

Số: 33/2026/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 10 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương
cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính
phủ về khuyến nông;*

*Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân
sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông; Thông tư số 84/2021/TT-BTC
ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư
số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy
định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện
hoạt động khuyến nông;*

*Xét Tờ trình số 431/TTr-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Cà Mau về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức hỗ trợ từ
nguồn ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà
Mau (sau thẩm tra); Báo cáo thẩm tra số 164/BC-HĐND ngày 04 tháng 6 năm
2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của
đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức hỗ trợ từ
nguồn ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo Điều 10 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Nội dung chi, mức hỗ trợ đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát, tham quan học tập khuyến nông

1. Chi thù lao cho giảng viên, tiền ăn, phương tiện đi lại, phòng nghỉ áp dụng mức chi theo quy định tại nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong nước của tỉnh Cà Mau. Riêng chi thù lao cho trợ giảng, hướng dẫn viên tham quan, thực hành, hỗ trợ 300.000 đồng/người/buổi.

2. Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học, khảo sát thực tế; thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập, vật tư thực hành lớp học, thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); nước uống giữa giờ, tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ; chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác). Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động căn cứ sự cần thiết quyết định việc mua sắm theo phân cấp quản lý; tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về mua sắm, đấu thầu, chứng từ, hóa đơn, các quy định về ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý tài sản công.

3. Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ và đối tượng chuyển giao công nghệ

a) Đối với đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông

Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 300.000 đồng/người/ngày.

Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tiền ăn theo mức quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Cà Mau; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, ấp, khóm thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 05 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 300.000 đồng/người/ngày;

b) Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP

Nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tiền ăn theo mức quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, ấp, khóm thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 05 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 300.000 đồng/người/ngày.

Nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại tối đa không quá 50% mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo nêu trên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 150.000 đồng/người/ngày.

Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) khi tham dự đào tạo.

Điều 4. Nội dung chi, mức hỗ trợ thông tin, tuyên truyền cho hoạt động khuyến nông

1. Tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng

a) Chi xây dựng bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông, nông nghiệp; xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt;

b) Chi nhuận bút (tin viết, bài viết, ảnh, clip,...) đăng trên Bản tin khuyến nông trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng. Mức chi thực hiện theo quy định tại Quyết định quy định mức chi cho hoạt động Công hoặc Trang Thông tin điện tử và chế độ nhuận bút trong lĩnh vực thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo tham quan học tập: Chi chủ tọa và thư ký, báo cáo viên trình bày tại diễn đàn, hội thảo, tọa đàm, bồi dưỡng viết báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức diễn đàn, hội thảo, tọa đàm đặt hàng, nhưng không trình bày, thành viên tham gia hội thảo, mức chi cụ thể như sau:

a) Chi chủ trì diễn đàn, hội thảo, tọa đàm (cấp tỉnh): 750.000 đồng/buổi;

- b) Chi chủ trì hội thảo, tọa đàm (cấp cơ sở): 350.000 đồng/buổi;
- c) Chi thư ký diễn đàn, hội thảo, tọa đàm (cấp tỉnh): 250.000 đồng/buổi;
- d) Chi thư ký diễn đàn, hội thảo, tọa đàm (cấp cơ sở): 120.000 đồng/buổi;
- đ) Chi báo cáo viên trình bày tại diễn đàn, hội thảo, tọa đàm (cấp tỉnh): 1.000.000 đồng/báo cáo;
- e) Chi báo cáo viên trình bày tại hội thảo, tọa đàm (cấp cơ sở): 500.000 đồng/báo cáo;
- g) Chi báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức diễn đàn, hội thảo, tọa đàm đặt hàng nhưng không trình bày tại diễn đàn, hội thảo, tọa đàm (cấp tỉnh): 500.000 đồng/báo cáo;
- h) Chi báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo, tọa đàm đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo, tọa đàm (cấp cơ sở): 250.000 đồng/báo cáo;
- i) Thành viên tham gia diễn đàn, hội thảo, tọa đàm (cấp tỉnh): 100.000 đồng/thành viên/ buổi;
- k) Thành viên tham gia hội thảo, tọa đàm (cấp cơ sở): 70.000 đồng/thành viên/buổi.

3. Thuê hội trường; thuê máy chiếu, trang thiết bị; photo tài liệu; chi thuê phương tiện đưa đón đại biểu từ nơi nghỉ tới nơi tổ chức cuộc họp trong trường hợp cơ quan, đơn vị không có phương tiện hoặc có nhưng không đáp ứng được số lượng đại biểu, phòng nền, băng rôn; văn phòng phẩm và các khoản chi khác. Mức chi: Chi thức tế theo tình hình hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định có liên quan.

4. Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm nông nghiệp cấp tỉnh, khu vực, quốc gia

a) Hỗ trợ 100% chi phí gồm các nội dung: thông tin, tuyên truyền, quảng bá giới thiệu hội chợ, triển lãm; thuê mặt bằng, dàn dựng, thiết kế, lắp đặt gian hàng; vận chuyển, mua, thuê, khấu hao mẫu vật, sản phẩm trưng bày; thuê hội trường, thiết bị, phương tiện, trang trí, nước uống, văn phòng phẩm; hoạt động Ban tổ chức; điện, nước, vệ sinh, an ninh, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ; chi phí quản lý và chi khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với đơn vị cung cấp có liên quan và theo đơn giá thực tế được cấp thẩm quyền phê duyệt;

b) Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Thông tư số 75/2019/TT-BTC.

Điều 5. Nội dung chi, mức hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất

1. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn

a) Mô hình trình diễn ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, địa bàn bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình;

b) Mô hình trình diễn ở địa bàn vùng bãi ngang ven biển được hỗ trợ 70% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình;

c) Mô hình trình diễn ở địa bàn còn lại trong tỉnh được hỗ trợ 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư, thiết yếu để xây dựng mô hình;

d) Mô hình ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ 40% tổng kinh phí mô hình;

đ) Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp được hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện mô hình, nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình;

e) Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn, dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành.

2. Chi tập huấn kỹ thuật, thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình, sơ kết, tổng kết mô hình, mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Nghị quyết này.

3. Hỗ trợ cho cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình tính bằng mức lương cơ sở/22 ngày nhân (x) thời gian thực tế triển khai mô hình do cấp thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Nội dung chi, mức hỗ trợ tư vấn và dịch vụ khuyến nông

1. Tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

2. Tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết này.

3. Tư vấn trực tiếp và các hoạt động dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 7. Nội dung chi, mức hỗ trợ hợp tác quốc tế về khuyến nông

1. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành, theo các hiệp định, nghị định thư hoặc thỏa thuận, hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

2. Đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cà Mau.

Điều 8. Nội dung chi, mức hỗ trợ khác

1. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông: Mức chi theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh Cà Mau làm cơ sở cho việc xác định gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn Nhà nước.

2. Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi theo hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa các bên liên quan theo quy định pháp luật.

3. Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông: thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Quản lý nhiệm vụ khuyến nông

a) Cơ quan quản lý khuyến nông được trích tối đa 03% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để phục vụ công tác quản lý khuyến nông, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí trước khi thực hiện;

b) Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích tối đa 05% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Các khoản chi khác phục vụ cho hoạt động khuyến nông theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Điều 9. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách địa phương, gồm:

a) Nguồn kinh phí bố trí cho chương trình, kế hoạch khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp;

b) Nguồn kinh phí lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, dự án khác để thực hiện mục tiêu của khuyến nông.

2. Ngoài nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương, khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động khuyến nông. Các tổ chức, cá nhân được áp dụng các quy định tại Nghị quyết này trong việc sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp khác khi thực hiện hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định nội dung chi, mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

b) Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu quy định nội dung chi, mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

3. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực và đang thực hiện thì tiếp tục thực hiện theo dự toán đã phê duyệt.

2. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán, đơn vị chủ trì chương trình, dự án, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán theo quy định tại Nghị quyết này.

3. Đối với các nhiệm vụ quy định nội dung chi, mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau đã được cấp có thẩm quyền phân bổ nguồn vốn trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục sử dụng nguồn vốn đã cấp để thực hiện đến khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa XI, Kỳ họp thứ 3 (chuyên đề) thông qua ngày 10 tháng 6 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và TCTHPL);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Kiểm toán nhà nước Khu vực V;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Thiều